

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP ĐẮK TÔ

(Kèm theo Quyết định số: 125 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỉ lệ giữa Kế hoạch năm 2024 và ước thực hiện năm 2023 (%)
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu						
1	Dịch vụ môi trường rừng		25.707,00	24.249,07	24.065,55	24.065,55	100,00%
-	Giao khoán QLBR	ha	9.000,00	8.982,81	8.882,10	8.882,10	100,00%
-	Tự quản lý BVR	ha	16.707,00	15.266,26	15.183,45	15.183,45	100,00%
2	Khai thác và tiêu thụ nhựa thông	Kg	100.000				
3	Tĩa thưa nuôi dưỡng thông ba lá (141,3ha)	m3		7.000,00		5.865,60	
4	Kinh doanh sâm Ngọc Linh	Kg					
-	Khối lượng khai thác	Kg	110,00	144,50	101,33	130,00	128,30%
-	Khối lượng tiêu thụ	Kg	110,00	160,00	96,85	150,00	154,89%
II	Các chỉ tiêu về tài chính						
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	68.960	72.705	72.553	72.705	100,21%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỉ lệ giữa Kế hoạch năm 2024 và ước thực hiện năm 2023 (%)
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	25.524	38.003	37.541	33.260	88,60%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.370	2.689	2.568	2.410	93,84%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.370	2.689	2.412	2.410	99,91%
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.106	1.033	962	760	79,00%
IV	Tổng lao động	người	84	88	84	87	103,57%
1	Người quản lý	Người		5	5	5	100,00%
2	Người lao động	người		83	79	82	103,80%
V	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	8.200	10.828	9.334	10.289	110,23%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP ĐẮK TÔ
(Kèm theo Quyết định số: 125 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Kế hoạch 5 năm được UBND tỉnh phê duyệt								Kế hoạch năm 2024						Ghi chú
		Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư					Kế hoạch 2024	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				
				Vốn NSNN	Vốn Liên kết đầu tư	Vốn tự có	Nguồn vốn trồng rừng tập trung	Vốn vay				Vốn NSNN	Vốn tự có	Nguồn vốn trồng rừng tập trung	Vốn liên kết đầu tư	
I	Phát triển rừng		33.049	12.642	18.407	2.000			8.230		7.728	50	3.241	4.437		
1	Trồng rừng sản xuất năm 2021	150 ha	10.154	1.500	8.154	500			982							
2	Trồng rừng sản xuất năm 2022	50 ha	3.385	500	2.385	500			681		1.350		1.350			
-	Chăm sóc năm ba rừng trồng sản xuất năm 2022									150 ha	1.350		1.350			
3	Trồng rừng sản xuất năm 2023	100 ha	6.115	1.000	4.615	500			1.406		998		998			
-	Chăm sóc năm hai rừng trồng sản xuất (sau khai thác)									68,32 ha	998		998			
4	Trồng rừng năm 2024	100 ha	4.753	1.000	3.253	500			3.346	90 ha	3.335		741	2.594		
-	Trồng rừng sản xuất năm 2024									20 ha	741		741			
-	Trồng rừng thay thế năm 2024									70 ha	2.594			2.594		
5	Trồng cây phân tán (theo Quyết định 469/QĐ-UBND ngày 31/5/2021)	10.000 cây								6,26 ha	152		152			
											50	50				
6	Chăm sóc, trồng dặm, trồng lại rừng trồng thay thế năm 2023									63,77 ha	1.843			1.843		
7	Khoanh nuôi phục hồi rừng	1.150 ha	8.642	8.642					1.815							
II	Sản xuất lâm nghiệp		8.210					8.210	1.446							
1	Dự án Kinh doanh rừng trồng bền vững (Rừng trồng 2014-2016 hết thời kỳ KTCB)	1.112,1 ha	8.210					8.210	1.446							
III	Công trình phòng chống cháy rừng		1.750	1.500		250			550		50		50			

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Kế hoạch 5 năm được UBND tỉnh phê duyệt								Kế hoạch năm 2024						Ghi chú
		Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư					Kế hoạch 2024	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư				
				Vốn NSNN	Vốn Liên kết đầu tư	Vốn tự có	Nguồn vốn trồng rừng tập trung	Vốn vay				Vốn NSNN	Vốn tự có	Nguồn vốn trồng rừng tập trung	Vốn liên kết đầu tư	
1	Chòi canh lửa	1 công trình	1.500	1.500					500							
2	Hệ thống biển báo		250			250			50		50		50			
IV	Mua sắm trang thiết bị		500			500			100		100		100			
1	Mua sắm trang thiết bị làm việc, sinh hoạt hàng năm		500			500			100		100		100			
V	Phương án kinh doanh phát triển sâm Ngọc Linh		112.694		101.622	6.000		5.072	23.258		5.605		440		5.165	
1	Trồng, chăm sóc vườn sâm các năm										5.505		440		5.065	
a	Trồng mới	15 ha	61.043		61.043				12.209	80.000 cây	776				776	
b	Chăm sóc vườn sâm các năm 1999-2013	25,1795 Lược.ha	11.072			6.000		5.072	1.756	1,5 ha	440		440			
c	Chăm sóc vườn sâm từ năm 2014	103,5927 Lược.ha	40.579		40.579				9.293		4.289				4.289	
-	Chăm sóc vườn sâm từ năm 2014-2018									9,086 ha	1.400				1.400	
-	Chăm sóc vườn sâm từ năm 2019-2023									41,062 ha	2.889				2.889	
2	Lắp đặt hệ thống Wifi tốc độ cao									Hệ thống	100				100	
	TỔNG CỘNG		156.202	14.142	120.029	8.750		13.282	33.584		13.483	50	3.831	4.437	5.165	

Ghi chú:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm tài sản, liên danh liên kết đầu tư khi bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.